TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-02-2021 V/v "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trịnh Thị Lệ Hoa
Bà Mai Thị Kim Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", thụ lý số 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ph. Th. Ng. H
Sinh ngày 14 tháng 4 năm 2000
Địa chỉ: 314 ấp B xã BT thành phố T tỉnh L

- *Bị đơn:* Ông Tr. D. T
Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1994
Địa chỉ: 53/16 Đường P Phường H thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Ph. Th. Ng. H trình bày: Sau hơn một năm tìm hiểu, bà và ông Tr. D. T kết hôn với nhau vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai năm. Đến tháng 5 năm

2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, do ông T thường xuyên cờ bạc rồi gây ra nợ. Dù việc ông T chơi bài, bà đã biết từ năm 2018, nhưng khi đó, mức độ có giới hạn nên bà vẫn chịu đựng được. Càng ngày, ông T càng đam mê bài bạc, không quan tâm đến gia đình, thậm chí là tham gia đánh bài thâu đêm, bỏ mặc những lời khuyên của bà và của mẹ ruột ông T. Khi gây ra nợ thì bà phải trả, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại nên từ tháng 5 năm 2020, bà không chung sống cùng ông T. Tình cảm vợ chồng không còn, bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Về con chung, bà và ông T có một người con chung, tên là Tr. A. N, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Tr. D. T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do đó, ngày 13 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Tr. D. T và bà Ph. Th. Ng. H là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do ông T không quan tâm đến gia đình, có hành vi bài bạc, gây ra nợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẩn và không chung sống cùng nhau. Từ tháng 5 năm 2020. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà Ph. Th. Ng. H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr. D. TTheo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố Tân An đưa vụ án ra xét xử, ông Tr. D. T vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 02 tháng 02 năm 2021 và ngày 22 tháng 02 năm 2021, ông T cũng không tham gia phiên tòa; Bà Ph. Th. Ng. H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy,

Tòa án nhân dân thành phố Tân An xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Tr. D. T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ bỏ mặc. Đồng thời, ông Tr. D. T cũng không có bất cứ hành vi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, khó có khả năng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có một người con chung, tên là Tr. A. N, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019. Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà H phù hợp với quy định của pháp luật, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi. Hơn nữa, ông T không tham gia tố tụng, không thể hiện ý chí của bị đơn về việc trực tiếp nuôi con nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ph. Th. Ng. H chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph. Th. Ng. H đối với ông Tr. D. T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Ph. Th. Ng. H là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Tr. A. N, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2019; Ông Tr. D. T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Ông Tr. D. T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Ph. Th. Ng. H chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004970 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thảo